TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DSPT
Ngày: 21 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Ông Trần Hồng Hải

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT - DS ngày 22/6/2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2018/QĐXX-PT ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H , sinh 1981; Trú tại: Tiểu khu 4, tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1982; Trú tại: Xóm S II, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trọng M; Trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng M là chị Nguyễn Thị Thanh H.

Cháu Nguyễn Khánh B, sinh năm 2009 (con trai chị Hương). Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Khánh B là chị Nguyễn Thị Thanh H.

Người kháng cáo:

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân B

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2017, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Ngày 19/11/2011 chị Nguyễn Thị Thanh H và chồng là anh Nguyễn Đức D chung nhau cho anh Nguyễn Xuân B – chị Dương Thị P vay số tiền 329.000.000đ, hạn trả nợ cả gốc và lãi là ngày 30/11/2012. Đến hạn trả nợ, mặc dù vợ chồng chị H anh D đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh B vẫn không trả. Ngày 11/01/2014, anh D chồng chị H bị tai nạn chết không để lại di chúc, chị H tiếp tục đòi nhưng vợ chồng anh B chị P vẫn không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thay đổi một phần lời khai trình bày: Trên thực tế chỉ có một mình anh B vay tiền của vợ chồng chị còn chị P tuy được đề tên tại mục bên vay trong giấy vay tiền nhưng chị P không tham gia vào việc vay tiền và không ký tên vào giấy vay tiền. Chỉ sau khi chị H và anh D lên nhà anh B chị P đòi nợ nhiều lần thì chị P mới biết việc anh B vay tiền của chị H anh D. Khi vay hai bên có thỏa thuận vay có lãi và ghi nhận thỏa thuận này trong giấy vay tiền, còn lãi suất chỉ thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất Ngân hàng nhà nước công bố lúc vay là 9%/năm.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân B trình bày:

Năm 2011 anh và chồng chị H là anh Nguyễn Đức D chung nhau đánh đề bị thua, để có bằng chứng giải thích cho vợ về việc không còn tiền và để che giấu với cơ quan nơi công tác về việc đánh đề, anh D đã viết giấy vay tiền (mà chị H đã nộp cho Tòa án) nhờ anh B ký. Thực tế anh không vay tiền của anh D chị H do đó anh không đồng ý trả nợ cho chị H và các đồng thừa kế của anh D.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 184; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS; các khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí;

Khoản 2 Điều 305; Điều 471; các khoản 1, 5 Điều 474; khoản 2 Điều 476; Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 463; các khoản 1, 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 609; Điều 612; Điều 614; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B, buộc anh Nguyễn Xuân B phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B số tiền 329.000.000đ tiền gốc và 192.106.0000đ tiền lãi, ngoài ra anh Nguyễn Xuân B còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2018 tương ứng với tiền gốc phải trả lãi theo lãi suất 9%/năm, kỷ phần từng người do

chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B tự thỏa thuận phân chia.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2018 bị đơn anh Nguyễn Xuân B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo và đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, HĐXX thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo đề ngày 11/6/2018 của bị đơn anh Nguyễn Xuân B làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 của BLDS 2005 là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 19/11/2011 anh Nguyễn Xuân B có xác lập giấy vay mượn tiền của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Đức D với số tiền 329.000.000đ. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ cả gốc lẫn lãi là ngày 30/11/2012. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2017 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Xuân B thừa nhận chữ ký tại mục bên vay trong giấy vay tiền là của anh.

Về hợp đồng vay ngày 19/11/2011 giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Xuân B: Tại thời điểm vay tiền các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, không ai bị đe dọa hay ép buộc.

Anh B thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ ngày 19/11/2011 là chữ ký của anh nhưng là do anh D chồng chị H (đã mất năm 2014) đã viết giấy vay nhờ anh ký để có bằng chứng giải thích cho vợ là chị H về việc không còn tiền và để che giấu với cơ quan nơi công tác về việc đánh đề nên anh mới ký. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thanh H

không thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Xuân B vì chị cho rằng đã cho anh B có vay tiền, ký trong giấy vay và nhận tiền. Việc anh khai anh không nhận tiền từ anh D chị H là không có cơ sở, anh cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh mình không nhận từ anh D chị H khoản tiền như trong giấy vay. Vì vậy việc chị H yêu cầu anh B trả lại số tiền 329.000.000đ là có căn cứ.

Năm 2014 anh Nguyễn Đức D chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế là chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M, cháu Nguyễn Khánh B, trong đó chị H làm đại diện khởi kiện yêu cầu anh B trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là có cơ sở. Đối với tiền lãi của khoản vay, các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể như thế nào nên cấp sơ thẩm căn cứ tại thời điểm diễn ra giao dịch xác định lãi suất 9%/năm là đúng quy định. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh Nguyễn Xuân B phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B, buộc anh Nguyễn Xuân B phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B số tiền 329.000.000đ tiền gốc và 192.106.0000đ tiền lãi là phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của BLDS 2015.

Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Xuân B cho rằng anh chỉ ký tên vào giấy vay chứ không nhận tiền của anh Dũng chị Hương nên anh không vay tiền của anh D chị H. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Xuân B ngoài lời trình bày thì không xuất trình được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ nhận thức về hành vi của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Do đó kháng cáo của anh Bắc không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 184; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS; các khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí;

Khoản 2 Điều 305; Điều 471; các khoản 1, 5 Điều 474; khoản 2 Điều 476; Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 463; các khoản 1, 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 609; Điều 612; Điều 614; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B, buộc anh Nguyễn Xuân B phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B số tiền 329.000.000đ tiền gốc và 192.106.0000đ tiền lãi. Ngoài ra anh Nguyễn Xuân B còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2018 tương ứng với tiền gốc phải trả lãi theo lãi suất 9%/năm, kỷ phần từng người do chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Trọng M và cháu Nguyễn Khánh B tự thỏa thuận phân chia.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Xuân B phải nộp 24.844.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 5250 ngày 11/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh). Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H 8.225.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2403 ngày 23/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- TAND, VKSND, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền